

Bộ, tỉnh: Thành phố Đà Nẵng
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục - Đào tạo quận Hải Châu
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Phù Đổng
Mã đơn vị: 1012155
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất cơ sở 2 tại 139 Lê Lợi	1.538	105.190.876		1.538																	
2	Quyền sử dụng đất tại 31 Yên Bái	5.899	494.565.719		5.899																	
3	Cải tạo phòng H trường thành phòng CNTT									2010	100	55.002	27.400		100							
4	Cải tạo SC lẫn vôi mặt tiền dãy 2 tầng									2014	200	29.399	17.639		200							
5	Cải tạo sửa chữa lẫn vôi khu vệ sinh									2014	100	29.813	9.978		100							
6	Cải tạo sửa chữa lẫn vôi mặt tiền khu 3 tầng									2014	200	29.917	17.950		200							
7	CT cải tạo thay mới cửa sổ phòng học									2014	200	29.999	17.999		200							
8	CT sửa chữa vách ngăn khung kính phòng TH									2010	50	29.450	4.114		50							
9	Khối nhà lớp học văn thể mỹ									2005	500	1.250.535	125.054		500							



STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
10	Khu A									1975	886	1.084.087	38.153		886							
11	Khu A (cải tạo lát nền ph học 16+17+18									2009	100	26.664	11.732		100							
12	Khu A (CT hệ thống điện, lắp thêm bóng đèn phòng học).									2013	100	35.742	21.445		100							
13	Khu A (CT hệ thống điện, quạt tầng 1 khu A và C)									2013	100	33.681	20.209		100							
14	Khu A (CT hệ thống điện+quạt trần+treo phòng học tầng 2 khu A)									2013	100	29.613	17.768		100							
15	Khu B									1990	300	485.449	97.985		300							
16	Khu B (CT hệ thống điện+ quạt) ph/học tầng 3									2013	100	19.034	6.371		100							
17	Khu B (CT hệ thống điện+ quạt phòng học tầng 2)									2013	100	19.568	6.549		100							
18	Khu C									1975	367	633.002	80.486		367							
19	Khu C (tầng 2) cải tạo HT điện chiếu sáng phòng học									2013	100	36.502	21.901		100							
20	Khu C (thay lại mái tôn Thư viện sau bão)									2013	200	85.023	51.014		200							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
21	Khu C tầng 2 cải tạo HT quạt trần+treo tường phòng học									2013	100	24.820	14.892		100						
22	Khu E									1975	914	303.115			914						
23	Khu E tầng 2 (CT cải tạo HT điện chiếu sáng ph/học									2013	100	13.595	8.157		100						
24	Khu nhà 3 tầng phòng học Cơ sở 2									2024	1.072	2.759.046	2.648.684		1.072						
25	Lắp đặt lan can inox tầng 2+3 (khu B)									2014	100	36.521	12.224		100						
26	Lát gạch hoa									2008	100	49.001	4.900		100						
27	Lát nền phòng học + sân trường									2009	200	23.551	10.362		200						
28	Nhà bếp cơ sở 1									2020	1	901.790	601.043							Sử dụng khác: 1	
29	Nhà cầu									1975	300	177.070			300						
30	Nhà Đa Năng									2003	346	3.274.878	176.184		346						
31	Nhà làm việc (khu hiệu bộ)									2009	346	3.215.199	2.143.567		346						
32	Nhà vệ sinh									2007	165	86.662			165						
33	Quét vôi									2008	300	64.497	11.998		300						
34	Quét vôi mặt tiền khu 3 tầng trường									2013	300	26.042	20.834		300						
35	SC nhà đa năng									2009	200	49.103	21.605		200						
36	SCCT lát nền gạch men và ph học									2009	200	42.973	18.908		200						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
37	SCCT lợp tôn nhà đa năng									2009	100	19.365	8.521		100							
38	SCCT phòng thư viện đạt chuẩn 01									2014	100	34.817	11.653		100							
39	SCCT thay cửa sổ lớp học 2 tầng									2009	200	89.865	39.541		200							
40	Tầng 3 khu B cải tạo HT đèn chiếu sáng ph/học									2013	200	18.576	6.217		200							
	Tổng cộng:	7.437	599.756.595		7.437						9.147	15.152.966	6.353.038		9.146					1		

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Lê Thị Nguyên Thủy

Ngày 12 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



